

Bản án số: 601/2017/HS-PT  
Ngày: 30-8-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Quang Sơn;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Nhận;

Ông Nguyễn Thị Minh Thu.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 546/2015/HSPT ngày 10 tháng 11 năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đức T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2015/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Nguyễn Đức T**, sinh năm 1986; trú tại: phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Như H và bà Nguyễn Thị P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 12/8/2014, tạm giữ ngày 13/8/2014 đến ngày 21/8/2014 chuyển tạm giam; có mặt.

**\* Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:**

**2. Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1994; trú tại: phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: quận N, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 22/8/2014, tạm giữ ngày 23/8/2014 đến ngày 25/8/2014 chuyển tạm giam; có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T:** Luật sư Đoàn Văn T - Công ty luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S:** Luật sư Trần Xuân H - Văn phòng Luật sư T - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Vụ Lê Anh T1, Nguyễn Thế A, Nguyễn Quốc B, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đức T Mua bán trái phép chất ma túy qua đường hàng không.

Hồi 10 giờ 30 ngày 12/8/2014, tại sân bay Cát Bi, Hải An Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thế A có hành vi cất giấu trong 01 chiếc quạt điện hơi nước 03 túi nilon bên trong có tinh thể màu trắng, qua giám định túi thứ nhất có trọng lượng 682,38 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng  $41,8\% = 285,23484$  gam Ketamine tinh chất; túi thứ hai có trọng lượng 685,97 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng  $35,1\% = 240,77547$  gam Ketamine tinh chất; túi thứ ba có trọng lượng 700,48 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng  $65,5\% = 458,8144$  gam Ketamine tinh chất. Tổng trọng lượng của 03 túi trên là 2.068,83 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng khác nhau = 984,82471 gam Ketamine tinh chất.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thế A, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã bắt giữ Lê Anh T1, Nguyễn Thế A, Nguyễn Quốc B Nguyễn Đức T; ngày 22/8/2014 Nguyễn Ngọc S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đầu thú.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Anh T1, Trần Như T2, Nguyễn Ngọc S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng không thu giữ được vật chứng gì liên quan đến vụ án.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Quốc B, ở đường Đ, phường H, quận K, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng thu giữ 01 hộp cacton nôi com điện hiệu Geidea, bên trong có 01 nôi com điện hiệu Geidea moden AG 166; 01 vỏ hộp quạt nhãn hiệu Diamont, bên trong có 01 cuộn giấy bạc; 01 con dao chuôi bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 25cm; 01 bút điện màu xanh dài 15 cm nhãn hiệu Estanley.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức T, quận N, thành phố Hải Phòng thu giữ bình bằng nhựa hình bầu dục phần trên màu bạc, dưới màu đục, kích thước 4cm x 3cm x 1,5cm có cắm 01 ống thủy tinh dài 12cm; 01 hộp nhựa tự chế màu xanh nhạt kích thước 8cm x 3cm x 1,5cm có cắm 01 ống thủy tinh dài 10cm; 01 bật lửa dạng khò bằng kim loại, sơn màu đen và nâu, kích thước 15cm; 02 sim điện thoại có số 8A và số B.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Ngày 01/8/2014, Nguyễn Đức T vào thành phố Hồ Chí Minh và ở tại khách sạn P tại số đường Đ, phường A, quận B. Tại đây T gặp một đối tượng tên D (theo T khai đối tượng này có lai lịch, địa chỉ là Phạm Quang D, sinh năm 1979; ĐKHKT tại đường L, quận N, thành phố Hải Phòng). D bàn với T về việc mua Ketamine từ Hải Phòng để chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh bán. D và T thống nhất nếu D bán được ma túy có lãi thì sẽ chia cho T tùy theo số lượng bán được nhiều hay ít.

Ngày 07/8/2014, T gọi điện thoại cho Nguyễn Thế A là bạn quen biết với nhau ngoài xã hội hỏi mua Ketamine, với điều kiện nhận tại thành phố Hồ Chí Minh. A hẹn T sẽ hỏi cụ thể và trả lời sau.

Ngày 09/8/2014, A gặp Nguyễn Quốc B tại khu vực bờ hồ Phương Lưu, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, A nói cho B về nội dung T muốn mua Ketamine như trên và hỏi có ma túy bán cho T không. B nói với A là hỏi Lê Anh T1 (là bạn cùng chơi với B và A) xem T1 có Ketamine bán không. Ngay lúc đó, A rút điện thoại ra gọi điện cho T1 nói có T muốn mua ma túy nhưng phải giao hàng tại thành phố Hồ Chí Minh, T1 có bán không. T1 đồng ý và B A cứ bàn bạc cụ thể với B, B sẽ báo lại cho T1. A gọi điện thoại cho T thông báo sẽ bán cho T đợt đầu 400 gam (04 lạng) Ketamine với giá 18.000.000 đồng/100 gam. T đưa điện thoại cho D để D nói chuyện với A, hai bên thống nhất D sẽ B T chuyển 25 triệu đồng ra cho A để đặt cọc mua 400 gam Ketamine. Sau khi được A thông báo lại nội dung trên, T1 gọi điện thoại cho một đối tượng tên Lợi (theo lời khai của T1 có lai lịch, địa chỉ là Lê Văn Lợi, sinh năm 1979, ĐKHKT tại phường T, quận H, thành phố Hải Phòng) đặt mua 200 gam Ketamine và một ít Phách (là chất dùng để trộn thêm vào Ketamine nhằm tăng trọng lượng). Sau khi mua được ma túy và Phách, sáng ngày 11/8/2014 T1 cùng Nguyễn Ngọc S đến nhà B. Tại đây, T1 cùng Sơn dùng dao băm nhỏ Phách, trộn đều với 200 gam Ketamine được 400 gam hỗn hợp. T1 chia thành 04 túi và đưa tiền cho B đi mua 01 nồi cơm điện để nhằm mục đích cất giấu ma túy. Sau khi mua nồi cơm điện

về, B đã dùng tô vít tháo vỏ nồi cơm điện, nhét 04 túi Ketamine trên vào trong rồi đóng hộp lại như cũ.

Khoảng hơn 15 giờ ngày 11/8/2014, A cùng B qua cơ sở chuyển phát nhanh D ở đường L, quận N, thành phố Hải Phòng nhận 25 triệu đồng T đã gửi ra. A đưa 25 triệu đồng vừa nhận cùng tên và số điện thoại của T cho B để B gửi ma túy cho T. B cầm 25 triệu trên đến khu vực gầm cầu vượt Lạch Tray giao cho T1. T1 dẫn B gửi Ketamine cho T. B về nhà chờ hộp đựng nồi cơm điện trong có giấu Ketamine đến cơ sở chuyển phát nhanh tại ngõ Thanh Bình, đường Cầu Đất, quận N, thành phố Hải Phòng gửi chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh cho T. Nhưng do chuyến bay bị hoãn nên B chưa gửi được. Lúc này T1 bàn với B và A là hỏi lại T xem có lấy nhiều không thì gửi một thể.

Gần 21 giờ cùng ngày, T, D gọi điện thoại cho A hỏi về việc chưa nhận được Ketamine chuyển vào. A nói do chuyến bay định gửi bị hoãn nên chưa gửi được. A hỏi luôn có lấy nhiều không để gửi vào một thể. T, D nói mỗi ngày tiêu thụ trên một cân (1.000.000 gam) Ketamine nên cứ chuyển ma túy vào thành phố Hồ Chí Minh cho T, D, khi nhận ma túy cân lên được bao nhiêu thì D, T sẽ lấy bấy nhiêu và trả tiền.

A nói lại với T1 và B, cả 3 thống nhất việc mua bán ma túy như trên. Ngày 12/8/2014 A sẽ đi cùng với người giao ma túy vào trong thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và nhận tiền.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho Lợi đặt mua 800 gam Ketamine và khoảng 1.000 gam Phách và dẫn B đi lấy nồi cơm điện trong có cất giấu Ketamine từ cơ sở chuyển phát nhanh về. Đến khoảng 05 giờ ngày 12/8/2014 T1 cùng Sơn đến nhà B. T1 đưa tiền cho B đi mua 01 quạt điện hơi nước rồi lấy số Ketamine giấu trong nồi cơm điện ra và cùng Sơn băm Phách trộn lẫn giữa số Ketamine cũ với số Ketamine mới mua về và Phách rồi trộn lẫn được khoảng 2.000 gam hỗn hợp Ketamine và Phách. T1 dùng cân điện tử chia số Ketamine trên thành 03 phần rồi đựng mỗi phần vào một túi nilon có mép khóa màu đỏ. T1 dùng giấy bạc quấn quanh mỗi túi, dùng bút điện tháo quạt điện hơi nước, giấu 03 túi Ketamine đã được đóng gói vào trong rồi đóng hộp lại như cũ.

Tại Sân bay Cát Bi, khi nhìn thấy B chở hộp quạt điện hơi nước trong có giấu Ketamine đến, A đã hỏi B về chương trình đi như thế nào và ma túy ở đâu thì được B cho biết A sẽ đi một mình và ma túy ở trong hộp quạt điện hơi nước. B đưa tiền cho A để mua vé máy bay rồi đi về. A đưa tiền và Giấy chứng minh nhân dân của A cho người quen là anh Nguyễn Thành N, là nhân viên bán hàng

tại Cảng tin số 1 Cảng hàng không Cát Bi để nhờ mua hộ vé máy bay và làm thủ tục gửi hàng theo đường ký gửi hộ A. Trong khi kiểm tra hành lý, phát hiện trong hành lý của A có nghi vấn, Bộ phận An ninh hàng không của Cảng hàng không Cát Bi đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng yêu cầu A chứng kiến việc kiểm tra hành lý. Qua kiểm tra đã phát hiện và bắt quả tang việc cất giấu ma túy trong hành lý của A như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Quốc B sau khi giao ma túy cho A, trên đường về được T1 gọi điện thông báo là A đã bị bắt. B gọi điện thoại cho Trần Như T2, báo cho T2 biết là A đã bị bắt và dặn T2 đến nhà A xem nếu có ma túy thì đem đi cất giấu. T2 đến nhà A, một mình vào tủ quần áo của A tìm và thấy 01 chiếc hộp, bên trong có 02 túi nilon, một túi đựng 01 chiếc cân tiểu L và một túi khác T2 biết là ma túy của A nhưng không biết loại ma túy gì. T2 đem chiếc hộp trên đến nhà Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, chỗ ở đường P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng nhờ H đem chôn hộ. Khi nhờ H chôn hộ, T2 không nói cho H biết đó là ma túy. Ngay lúc đó B điện hỏi T2 có thấy ma túy không, T2 nói có thấy và đã đem cất giấu rồi, B không nói gì và tắt điện thoại. Đến chiều cùng ngày, T2 đã đến Cơ quan Công an tự thú và giao nộp số vật chứng trên. Qua giám định có trọng lượng 167,17gam, thành phần MDMA, hàm lượng 36,8% tương đương 61,51856 gam MDMA tinh chất.

Nguyễn Thế A ban đầu cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Nhưng sau đó, A thay đổi một phần lời khai và khai: A chỉ đứng ra làm trung gian thỏa thuận cho T mua của T1 04 lạng Ketamine. A không biết việc A sẽ là người cầm ma túy vào cho T. A không phải là người đứng ra mua vé và cũng không phải là người đi ký gửi chiếc hộp hành lý trong có chứa ma túy.

Về nguồn gốc số ma túy Nguyễn Thế A cất giấu tại nhà (khi A bị bắt, B và T2 cất giấu hộ A), A khai: Vào khoảng tháng 5 năm 2014 A được một người quen tên L bán cho 100 viên nén hình trụ màu vàng nhạt (trắng ngà) nói là thuốc lắc loại 2 với giá 70.000 đồng/viên. A chưa trả tiền cho L. A cất số viên nén trên vào 01 hộp giấy hình chữ nhật bên ngoài có hình chiếc loa, kích thước 7cm x 15cm x 20cm. Sau đó để trong 01 túi nilon cùng 01 chiếc cân điện tử được cất trong 01 hộp giấy kích thước 2cm x 5cm x 15cm rồi để trong tủ quần áo của A. Mục đích A mua số ma túy trên về để bán.

2. Vụ Lê Anh T1 tàng trữ trái phép chất ma túy tại phường Vạn Mỹ, quận N, thành phố Hải Phòng:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 05/12/2013, tại khu vực xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải

Phòng bắt quả tang Văn Hiếu D, sinh năm 1980; chỗ ở đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Khi bị bắt giữ, D khai nhận đã mua ma túy của Lê Anh T1. Căn cứ lời khai của Văn Hiếu D ngày 05/6/2014, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Anh T1 tại đường P, phường V, quận N, Hải Phòng. Cơ quan điều tra thu giữ trên thanh nhôm bờ tường phòng ngủ 01 túi nilon kích thước 5cm x 10cm bên trong có nhiều viên nén màu trắng đục (Mẫu số 1); thu trong ngăn tủ kệ ti vi trong phòng ngủ 01 bình thủy tinh hình trụ có ống hút nhựa màu trắng; 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước 3cm x 5cm có chứa tinh thể màu trắng (Mẫu số 2A) và 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa viên nén màu hồng (Mẫu số 2B); thu tại ngăn bàn phòng thờ tầng hai 01 khẩu súng bằng kim loại có số 871072, có hộp tiếp đạn nhưng không có đạn. Qua giám định mẫu số 1 có trọng lượng 20,9368 gam có thành phần Ketamine và MDMA, lượng Ketamine có hàm lượng 0,2% tương đương 0,0418736 gam Ketamine tinh chất, lượng MDMA có hàm lượng quá nhỏ không đủ xác định; mẫu số 2A có trọng lượng 12,8931 gam có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 75,1% tương đương 9,6827181 gam Methamphetamine tinh chất; mẫu số 2B có trọng lượng 6,3353 gam có thành phần Methamphetamine, hàm lượng 13,3% tương đương 0,8425949 gam Methamphetamine tinh chất.

Sau khi bị bắt giữ, Lê Anh T1 đã khai nhận số ma túy bị thu giữ khi khám xét nơi ở là của T1 mua của một người tên Vũ Hữu Q, sinh năm 1981, chỗ ở tổ L, K, Hải Phòng về nhằm mục đích sử dụng, không nhằm mục đích mua bán.

Đối với số súng đạn thu tại nhà Lê Anh T1, tại Kết luận giám định số 2012/C54(P3) ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận Khẩu súng thu tại nhà Lê Anh T1 là súng bắn các viên bi tròn bằng hơi ga do Nhật Bản sản xuất, thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2015/HSST ngày 30/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Anh T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Thế A, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1, điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 34 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T1.

Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 34 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thế A, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đức T (áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Sơn, T; điểm g khoản 1 Điều 48 đối với bị cáo A).

Xử phạt:

1. Lê Anh T1: Tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 03 (ba) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2014.

Phạt tiền bị cáo 30 (ba mươi) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Nguyễn Thế A: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2014.

Phạt tiền bị cáo 30 (ba mươi) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Nguyễn Đức T: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2014.

Phạt tiền bị cáo 30 (ba mươi) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Nguyễn Ngọc S: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2014.

Phạt tiền bị cáo 20 (hai mươi) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2015, các bị cáo Lê Anh T1 và Nguyễn Thế A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tiền phạt.

Ngày 09/10/2015, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2015, bị cáo Nguyễn Ngọc S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có Kháng nghị số 21/QĐ-KNPT đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S xuống còn 20 năm tù.

Ngày 28/4/2017, các bị cáo Lê Anh T1 và Nguyễn Thế A rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có thông báo về việc rút kháng cáo số 110/2017/TB-TA ngày 28/4/2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Bị cáo xác định, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại trọng lượng ma túy áp dụng cho bị cáo, vì bị cáo chỉ thỏa thuận với Nguyễn Thế A để mua bán 400 gam ketamine, chứ không phải là 984,82471 gam như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Bị cáo khai, do quen biết Lê Anh T1 là người ở gần nhà với bị cáo, T1 nhờ bị cáo băm phách trộn lẫn với Ketamine để bán cho người khác, T1 không hứa trả tiền công cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Bằng kết quả điều tra, có đủ chứng cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc S đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với trọng lượng ma túy đã mua bán là 984,82471 gam Ketamine, được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm, đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử, đối với bị cáo Nguyễn Đức T, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giảm hình phạt cho bị cáo, cụ thể phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 20 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét định lượng ma túy áp dụng đối với Nguyễn Đức T là 400 gam hay là nhiều hơn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò giúp sức của Nguyễn Đức T, cụ thể T được nhận tiền công, tiền hoa hồng là bao nhiêu? Trong vụ án này bị cáo phạm tội lần đầu; gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã thành khẩn khai. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, cụ thể, tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 21 ngày 13/10/2015 nhận định bị cáo Nguyễn Ngọc S tham gia vụ án với vai trò giúp sức, vai trò của bị cáo thấp hơn nhiều so với các bị cáo khác. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có vai trò ngang

nhau và áp dụng hình phạt tù chung thân đối với Nguyễn Ngọc S là quá nặng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm, tỏ ra ăn năn hối cải; Nguyễn Ngọc S là người chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là người có thành tích trong chiến đấu B vệ biên giới được tặng thưởng huân chương, được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với Nguyễn Ngọc S.

Trong phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các luật sư, các bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định về ma túy; Lời khai của các bị cáo Lê Anh T1, Nguyễn Thế A, Nguyễn Quốc B và lời khai của Nguyễn Ngọc S ở giai đoạn sơ thẩm, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại định lượng ma túy áp dụng cho bị cáo, cụ thể bị cáo chỉ đặt vấn đề với Nguyễn Thế A để mua 400 gam Ketamine. Quá trình điều tra xác định như sau: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2014, Nguyễn Đức T khai: “Nếu A mang bán cho D nhiều, thì tôi được hưởng hoa hồng nhiều vì D B tôi khi D lấy Ketamine của A sau đó mang bán thì sẽ chia hoa hồng cho tôi nên D bán càng nhiều tôi càng được hưởng nhiều tiền hoa hồng” (BL 674). Bị cáo Nguyễn Thế A khai: “Lần đầu khi nói chuyện mua bán Ketamine với T thì T chỉ yêu cầu là gửi trước nửa cân, sau khi số nửa cân không chuyển được và tôi nhận sẽ trực tiếp mang Ketamine vào cho T thì chúng tôi (tôi, Quang, T) thống nhất sẽ mang vào bán cho T hơn một cân Ketamine...” (BL 555).

[3] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 12/8/2014, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thế A cùng vật chứng là một chiếc quạt điện hơi nước, trong có ba túi nilon bên trong có tinh thể màu trắng. Qua giám định, túi thứ nhất có trọng lượng 682,38 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng 41,8% bằng 285,23484 gam Ketamine tinh chất; túi thứ hai có trọng lượng 685,97 gam có thành phần

Ketamine, hàm lượng 35,1% bằng 240,77547 gam Ketamine tinh chất; túi thứ ba có trọng lượng 700,48 gam có thành phần Ketamine, hàm lượng 65,5% bằng 458,8144 gam Ketamine tinh chất. Tổng trọng lượng của ba túi là 2.068,83 gam có thành phần Ketamine, có hàm lượng nêu trên, bằng 984,82471 gam Ketamine tinh chất.

[4] Quá trình điều tra đã xác định các bị cáo Lê Anh T1, Nguyễn Thế A, Nguyễn Quốc B, Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc S đã tham gia mua bán trái phép 984,82471 gam Ketamine nêu trên.

[5] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy do Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc S và các đồng phạm thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chính sách quản lý đặc biệt của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời là nguyên nhân phát sinh một số tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần được xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[7] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Là người cùng đối tượng tên D móc nối với Nguyễn Thế A đưa ma túy từ Hải Phòng vào thành phố Hồ Chí Minh bán. Nguyễn Đức T là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận với Nguyễn Thế A về số lượng ma túy, giá cả mua bán. Nguyễn Đức T là người trực tiếp gửi 25 triệu đồng cho Nguyễn Thế A mua ma túy. Sau khi ma túy được chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh thì Nguyễn Đức T có nhiệm vụ nhận ma túy chuyển cho đối tượng tên D bán, số lượng ma túy bán được càng nhiều thì T được chia lãi càng nhiều. Như vậy, Nguyễn Đức T là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo Nguyễn Đức T là người không có tiền án, tiền sự, nhưng đã nhiều lần sử dụng ma túy trái phép. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng.

[8] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết nêu trên và áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Đức T là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa bị cáo

Nguyễn Đức T và luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại trọng lượng ma túy mà Nguyễn Đức T mua bán trên cơ sở đó để giảm hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S: Là người đã tham gia phạm tội cùng Lê Anh T1 và Nguyễn Quốc B, cụ thể là, sau khi mua được Ketamine và phách, Nguyễn Ngọc S cùng Lê Anh T1 dùng dao băm phách trộn lẫn với Ketamine chia nhỏ thành từng túi, cất giấu vào trong quạt hơi nước, sau đó chuyển quạt hơi nước lên xe máy để chở ra sân bay mang đi tiêu thụ. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Ngọc S giữ vai trò đồng phạm trong vụ án. Bản thân bị cáo Nguyễn Ngọc S là người không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố của bị cáo là người có thành tích trong chiến đấu, B vệ biên giới.

[10] Khi cá thể hóa hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Ngọc S có vai trò ngang nhau với các bị cáo khác là chưa chính xác. Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội thì bị cáo Nguyễn Ngọc S có vai trò thấp hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án. Do đó, chỉ cần áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa một phần về hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[12] Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[13] Bị cáo Nguyễn Ngọc S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T.

[2] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc S.

[3] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[5] Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/8/2014.

[6] Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc S** 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2014.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Bị cáo Nguyễn Ngọc S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam CA thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Quang Sơn**